CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

Ngày 31/12/2025	3,930 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	**-**	**8.3%**

DT thuần
Q4/25
3.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.18| -4.5%
YoY: ▼0.64| -14.3%

LN thuần
Q4/25
1.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.37| -69.6%
YoY: ▼0.76| -28.5%

LN sau thuế
Q4/25
1.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.36| -75.6%
YoY: ▼0.93| -40.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
110%
YoY: +/-▲ 54.2%

ROE
2025
1.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

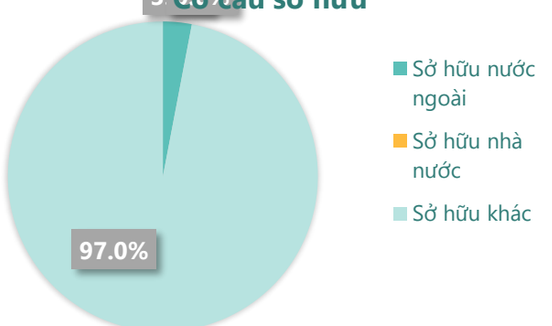
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,830 - 6,070
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	376
Số lượng CPLH (CP)	95,684,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	602,355
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.92
EPS	179
P/E	21.9

DT thuần
2025
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30| -7.2%

LN thuần
2025
18.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.10| 63.4%

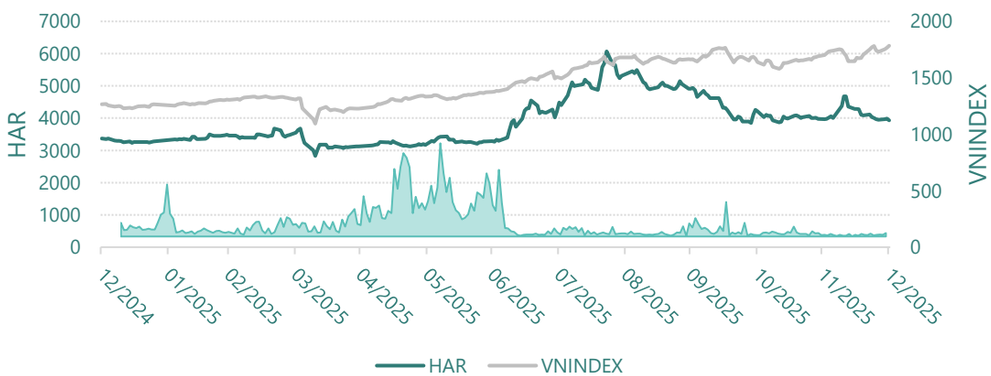
LN sau thuế
2025
17.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.24| 74.0%

Cơ cấu sở hữu

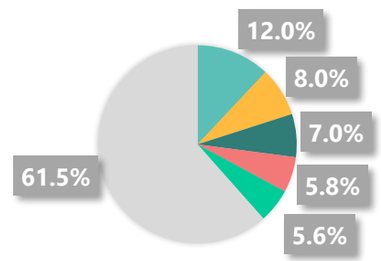


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

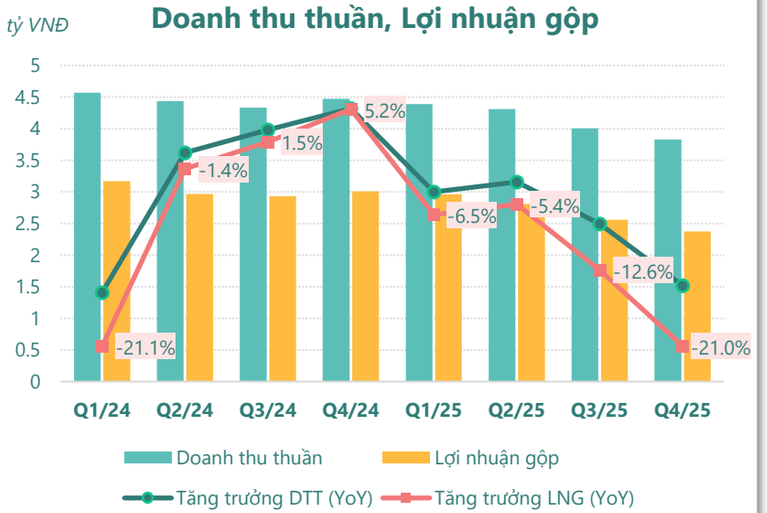


- Nguyễn Gia Bảo (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Thai Invest International
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư KGB
- Nguyễn Nhân Bảo (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền

(Nguồn: fireant.vn)

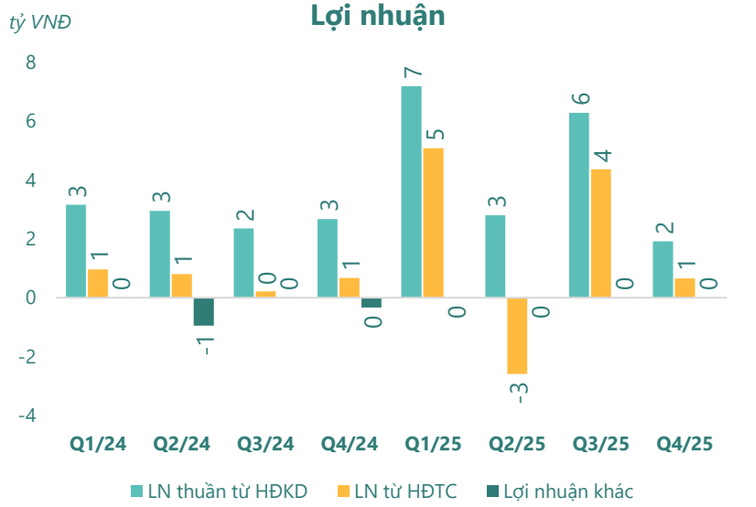
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



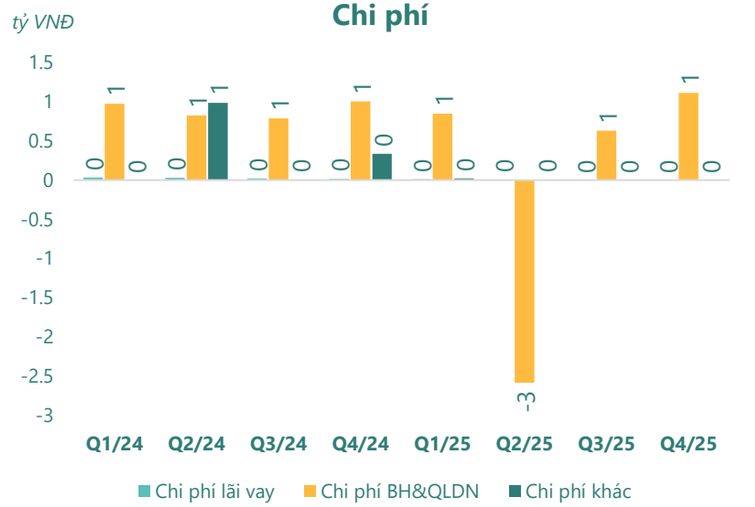
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



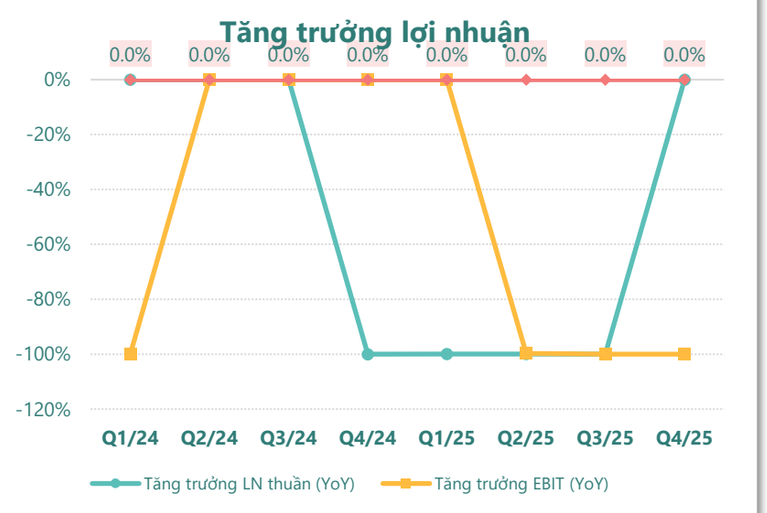
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



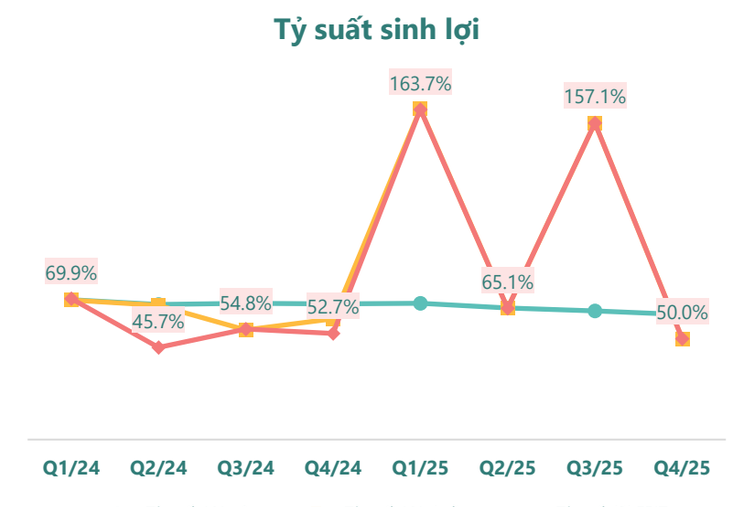
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



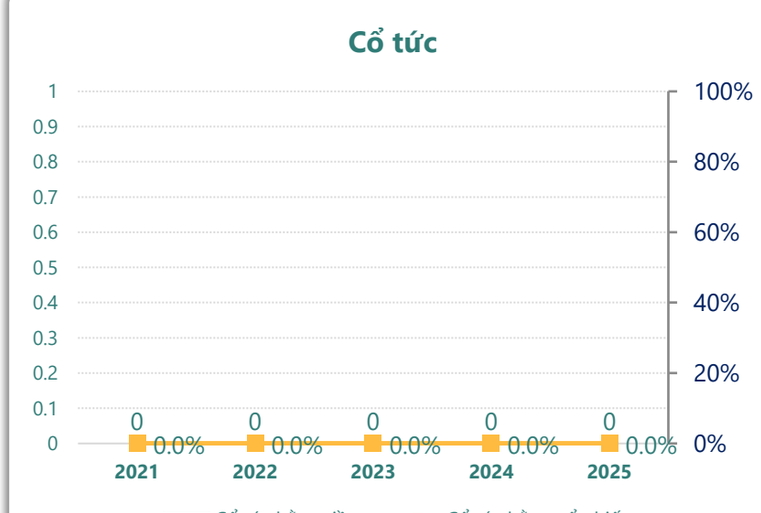
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

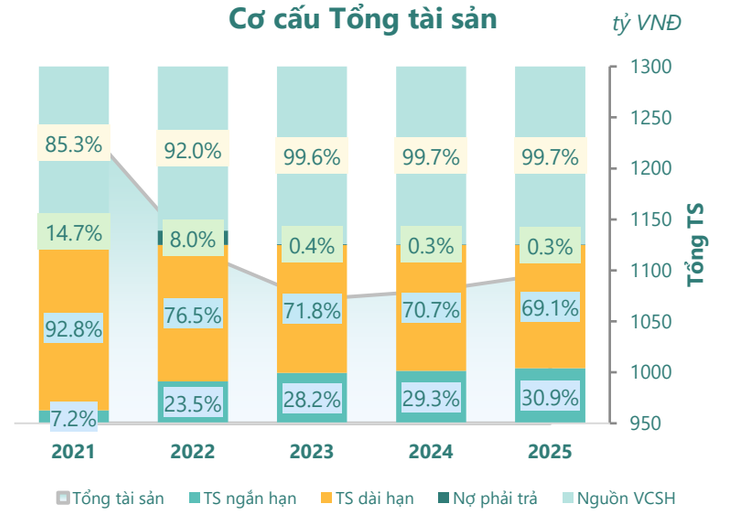
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

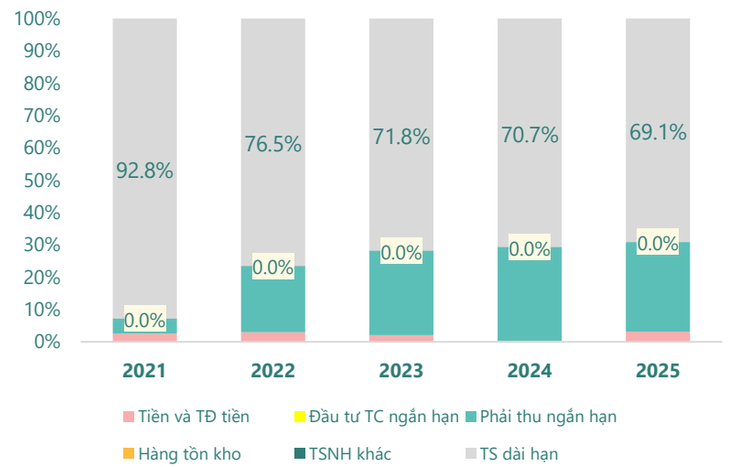
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



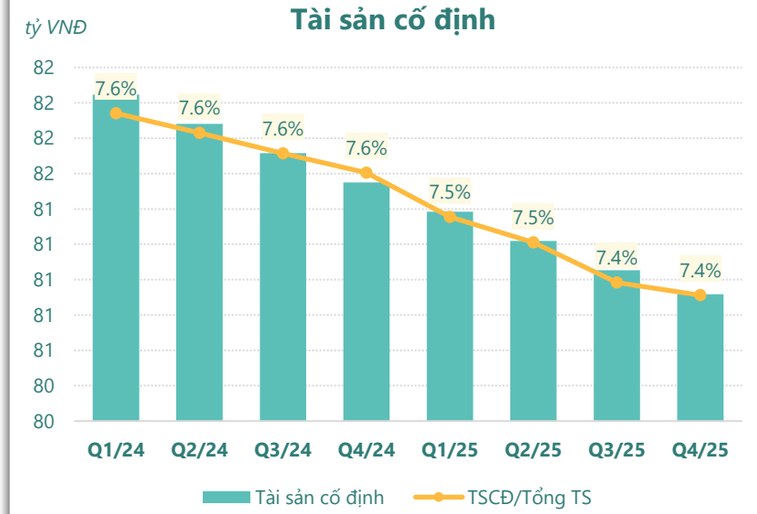
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



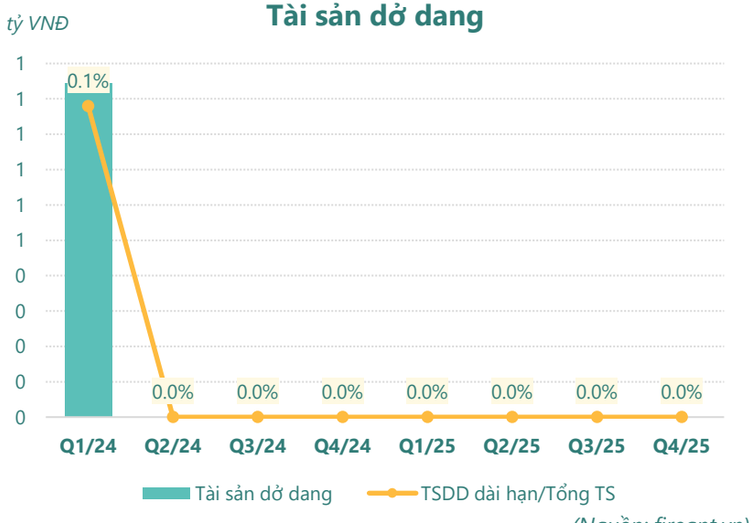
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



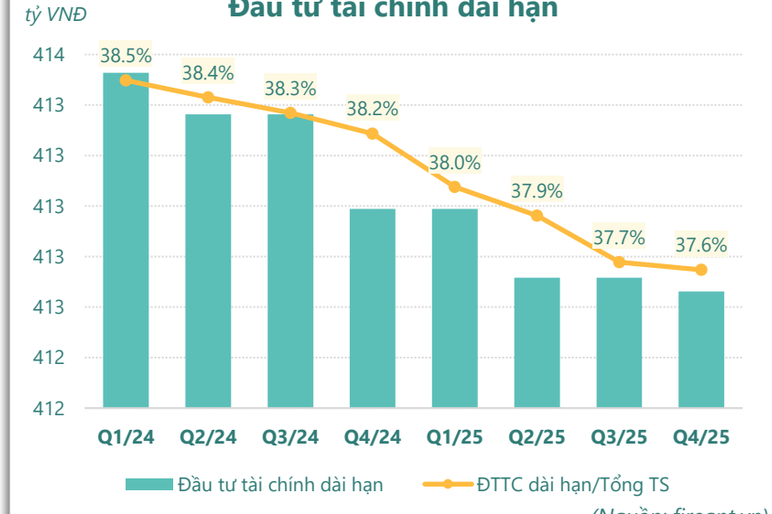
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



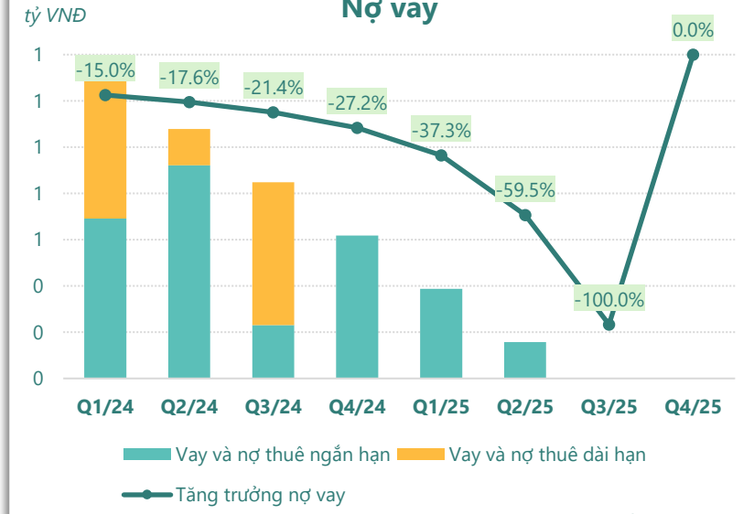
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

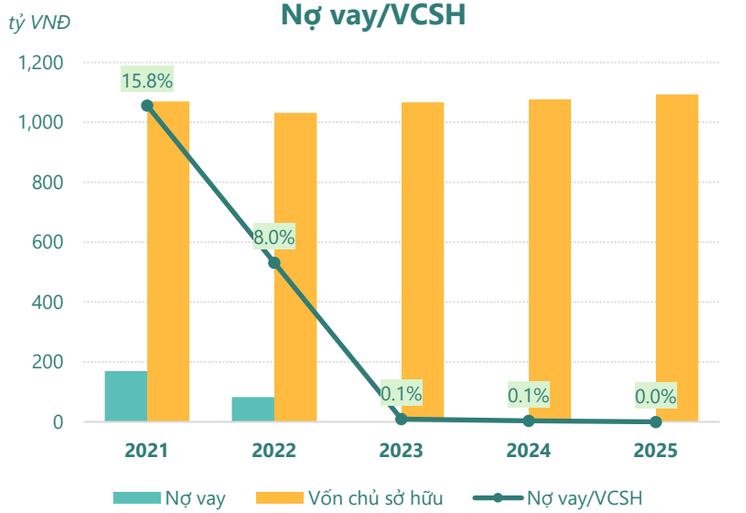
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

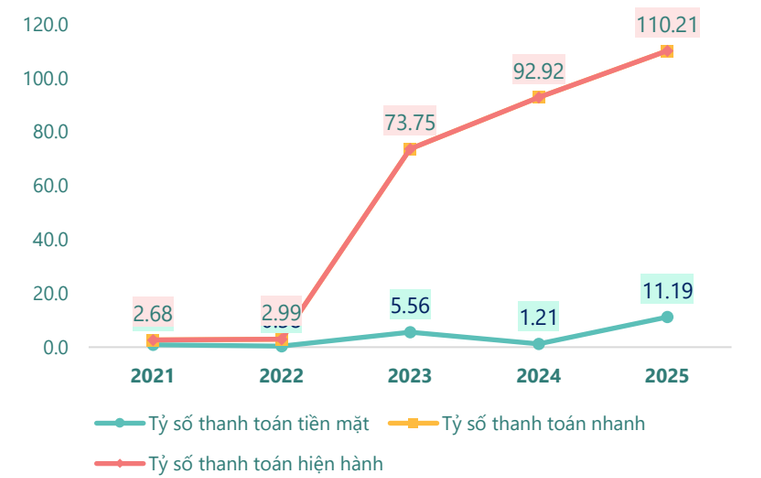
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



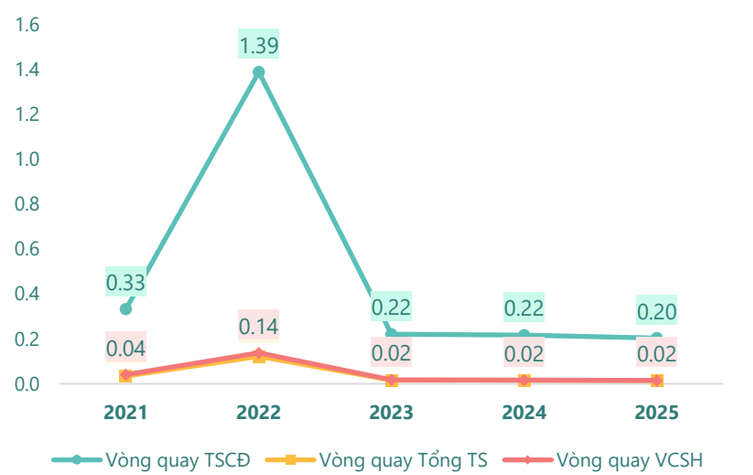
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



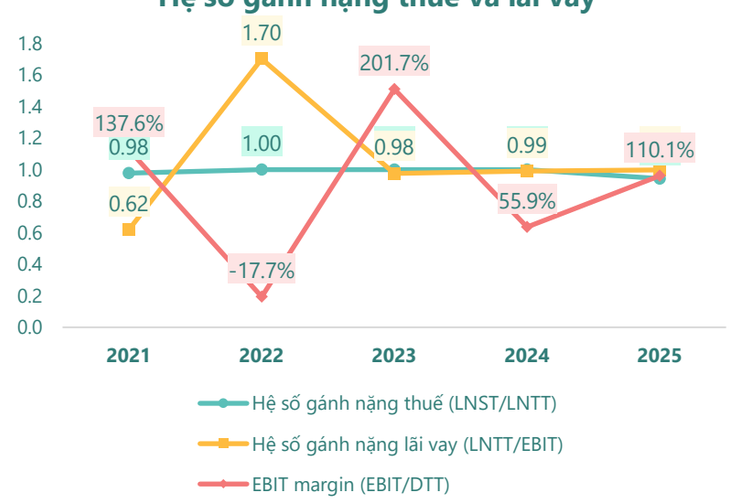
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



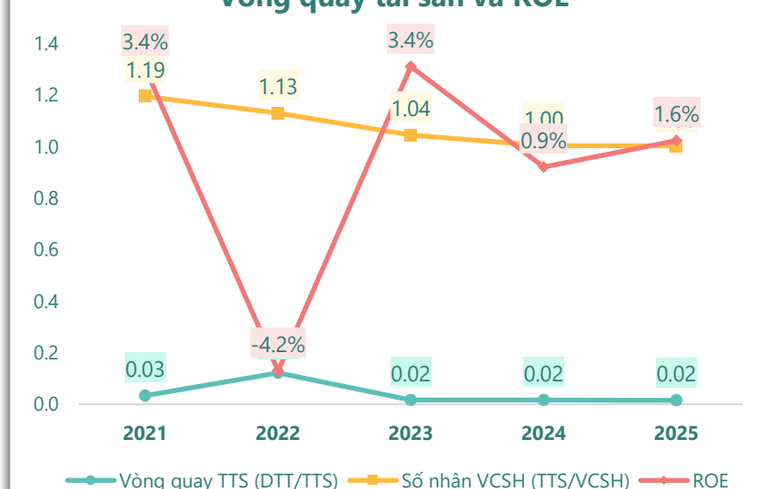
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



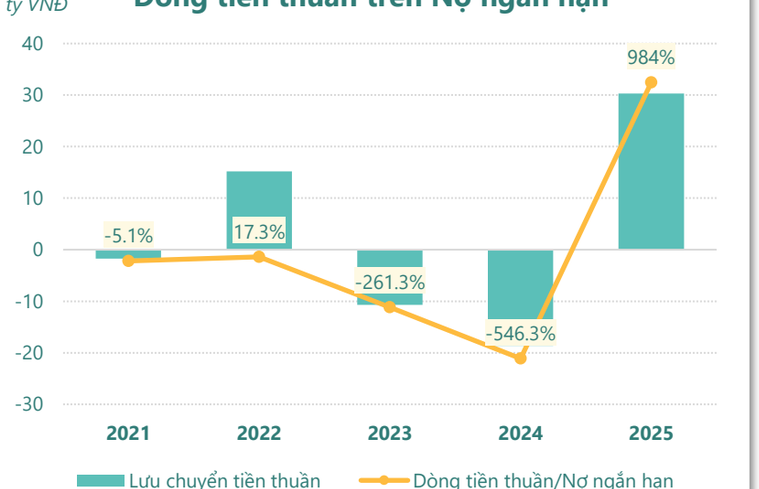
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.83**	**4.47**	**-14.3%**	**16.5**	**17.8**	**-7.2%**
Giá vốn hàng bán	1.46	1.47	-1.0%	5.83	5.74	1.6%
Lợi nhuận gộp	2.37	3.01	-21.1%	10.7	12.1	-11.3%
Doanh thu HĐTC	0.71	1.06	-33.4%	7.85	3.29	139%
Chi phí TC	0.05	0.39	-86.2%	0.34	0.63	-45.9%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0.02	0.10	-82.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.11**	**1.00**	**11.2%**	**0.01**	**3.59**	**-99.8%**
LN thuần từ HĐKD	1.92	2.68	-28.5%	18.2	11.1	63.4%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.34**	**100%**	**-0.02**	**-1.29**	**98.1%**
LN trước thuế	1.92	2.34	-18.2%	18.2	9.86	84.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1.41**	**2.34**	**-40.0%**	**17.1**	**9.86**	**74.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.41**	**2.34**	**-40.0%**	**17.1**	**9.86**	**74.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.80	0.67	5.74	9.01	6.10	2.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.0	-20.0	0	0	5.40	2.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.16	0
Tiền đầu kỳ	24.1	23.7	4.13	9.64	18.4	29.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.43**	**-19.6**	**5.51**	**8.78**	**11.3**	**4.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.7	4.13	9.64	18.4	29.8	34.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,097**	**1,080**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	339	317	6.9%
Tiền và tương đương tiền	34.4	4.13	733%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	305	313	-2.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.15	-100%
Tài sản dài hạn	**758**	**763**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.9	81.6	-0.8%
Bất động sản đầu tư	264	268	-1.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.08	3.41	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**3.08**	**3.41**	**-9.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.75	0.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,094**	**1,077**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,094**	**1,077**	**1.6%**
Vốn điều lệ	1,014	1,014	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)